

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2020

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Văn Hà

2. Bà Trần Thị Bích Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị S, sinh năm 1999, Có mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1991, Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-7-2020 và các tài liệu có trong hồ sơ cùng lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị S trình bày:***

*Về hôn nhân:* Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau, có lần anh Đ đã đánh chị S, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, anh Đ không quan tâm đến gia đình, những mâu thuẫn đó chị S và gia đình bên ngoại nhiều lần khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ không sửa chữa các khuyết điểm. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay chị S và anh Đ không sống cùng nhau nữa. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị Chu Thị S đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nông Văn Đ.

*Về nuôi con chung:* Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ có 02 con chung cháu Nông

Đức K, sinh ngày 17-6-2014 hiện nay cháu đang sống cùng anh Đ. Cháu Nông Thị K1, sinh ngày 23-3-2016 hiện nay cháu đang sống cùng chị S, chị S đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu K1 còn anh Đ nuôi dưỡng cháu K đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị S và anh Đ các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và nợ chung:* Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ tự thỏa thuận phân chia nên chị S không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa bị đơn anh Nông Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Đ đã trình bày:***

*Về hôn nhân:* Ngày tháng năm, địa điểm đăng ký kết hôn chị S đã trình bày anh Đ công nhận là đúng khi sống cùng nhau anh Đ và chị S hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, có lần anh Đ đã tát chị S do chị S ngoại tình, những mâu thuẫn đó bố mẹ đẻ chị S hòa giải nhiều lần xong chị S không thay đổi từ tháng 5 năm 2020 đến nay anh Đ và chị S không sống cùng nhau nữa. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ không đồng ý và đề nghị tòa án giải quyết cho được đoàn tụ.

*Về con chung:* Anh Nông Văn Đ và chị Chu Thị S có 02 con chung cháu Nông Đức K, sinh ngày 17-6-2014 hiện nay cháu đang sống cùng anh Đ, cháu Nông Thị K1, sinh ngày 23-3-2016 hiện nay cháu đang sống cùng chị S, nếu tòa án giải quyết ly hôn anh Đ đề nghị tòa án giải quyết cho anh Đ được nuôi dưỡng cháu K, còn chị S nuôi dưỡng cháu K1 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị S các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và nợ chung:* Anh Nông Văn Đ và chị Chu Thị S tự thỏa thuận phân chia nên anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nông Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Văn Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau, có lần anh Đ đã đánh chị S do nghi ngờ chị S ngoại tình, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, những mâu thuẫn giữa chị S và anh Đ đã được gia đình bố mẹ đẻ chị S hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Nay chị Chu Thị S xác định tình cảm vợ chồng đã hết còn anh Nông Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn còn anh Đ đề nghị được đoàn tụ, hiện nay chị S và anh Đ đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay mỗi

người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa, anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ không có biện pháp hòa giải gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị S là có căn cứ, còn yêu cầu đoàn tụ của anh Nông Văn Đ không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ có 02 con chung: Cháu Nông Đức K, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2014 và cháu Nông Thị K1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2016. Hiện nay cháu K đang sống cùng anh Đ, cháu K1 đang sống cùng chị S. Anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu K, chị S đề nghị được nuôi dưỡng cháu K1. Xét thấy đề nghị của chị Chu Thị S được nuôi dưỡng cháu K1, anh Nông Văn Đ nuôi dưỡng cháu K là chính đáng do đó cần giao cháu K1 cho chị S và giao cháu K cho anh Đ. Chị S và anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ chưa đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nông Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chị Chu Thị S được ly hôn anh Nông Văn Đ

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Nông Đức K, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2014 cho anh Nông Văn Đ. Giao cháu Nông Thị K1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2016 cho chị Chu Thị S, chị S và anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi. Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Chu Thị S và anh Nông Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Chu Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0003685, ngày 02-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Chu Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nông Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

***Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự***

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Lâm**



















